

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số 0200344752 ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200344752 ngày 4 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Phạm Hữu Quý Lâm	Chủ tịch
Bùi Quốc Hưng	Phó Chủ tịch
Lâm Hồng Thanh	Thành viên <i>(đến ngày 9 tháng 4 năm 2015)</i>
Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Mai Xuân Phong	Thành viên
Trần Hữu Hoàng	Thành viên <i>(từ ngày 10 tháng 4 năm 2015)</i>

Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Đặng Quốc Việt	Trưởng ban <i>(từ ngày 13 tháng 8 năm 2015)</i>
Nguyễn Thành Chánh	Trưởng ban <i>(đến ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i>
Trần Phước Thái	Thành viên
Ngô Văn Duy Nhất	Thành viên <i>(từ ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i>
Đoàn Thị Chín	Thành viên <i>(đến ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i>

Trụ sở đăng ký

Số 71 Lê Lai
Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 4 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 9 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến 37. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-084/b



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 2015

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2040-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		133.147.316.797	136.657.037.795
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	15.229.231.470	14.127.622.047
Tiền	111		15.229.231.470	14.127.622.047
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	2.363.568.600	2.079.449.600
Chứng khoán kinh doanh	121		5.648.780.000	5.648.780.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.285.211.400)	(3.569.330.400)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.296.469.179	18.076.914.553
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	13.158.673.153	15.077.190.996
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.156.886.399	2.391.755.316
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	8.621.027.521	7.439.877.443
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(6.919.350.415)	(6.844.049.452)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		279.232.521	12.140.250
Hàng tồn kho	140	11	97.008.116.261	99.622.361.321
Hàng tồn kho	141		97.998.042.320	101.045.473.773
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(989.926.059)	(1.423.112.452)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.249.931.287	2.750.690.274
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	175.800.284	189.608.387
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.773.181.421	2.192.388.415
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	300.949.582	368.693.472
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		64.773.136.156	59.564.363.399
Các khoản phải thu dài hạn	210		306.000.000	318.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	306.000.000	318.000.000
Tài sản cố định	220		60.731.882.430	56.843.309.683
Tài sản cố định hữu hình	221	12	48.199.710.228	44.311.137.481
<i>Nguyên giá</i>	222		138.627.247.223	131.083.611.646
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(90.427.536.995)	(86.772.474.165)
Tài sản cố định vô hình	227	13	12.532.172.202	12.532.172.202
<i>Nguyên giá</i>	228		12.532.172.202	12.532.172.202
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.612.961.590	1.612.961.590
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.612.961.590	1.612.961.590
Tài sản dài hạn khác	260		2.122.292.136	790.092.126
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	2.122.292.136	790.092.126
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		197.920.452.953	196.221.401.194

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		88.360.911.191	80.588.758.864
Nợ ngắn hạn	310		88.089.625.476	80.317.473.149
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	34.886.398.555	41.158.318.076
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.378.740.192	3.098.810.779
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	4.411.017.938	4.255.765.252
Phải trả người lao động	314		6.185.365.791	12.101.964.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.029.084.037	5.310.815.200
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.094.498.608	457.349.988
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	27.311.602.706	5.916.339.109
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	3.334.663.399	2.559.855.698
Nợ dài hạn	330		271.285.715	271.285.715
Phải trả dài hạn khác	337		271.285.715	271.285.715
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		109.559.541.762	115.632.642.330
Vốn chủ sở hữu	410	23	109.559.541.762	115.632.642.330
Vốn cổ phần	411	24	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	27.648.023.735	24.999.675.631
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.158.130.677	24.879.579.349
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		13.748.448.544	7.223.925.317
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.409.682.133	17.655.654.032
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		197.920.452.953	196.221.401.194

Ngày 4 tháng 9 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	205.024.938.702	198.981.192.058
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	5.396.128.787	3.200.665.677
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	199.628.809.915	195.780.526.381
Giá vốn hàng bán	11	29	157.786.032.971	138.731.325.826
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		41.842.776.944	57.049.200.555
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	505.082.820	186.717.883
Chi phí tài chính	22	31	317.631.544	67.474.618
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		221.260.238	551.008.284
Chi phí bán hàng	25	32	24.286.735.158	23.064.041.728
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	14.473.567.030	18.602.532.220
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.269.926.032	15.501.869.872
Thu nhập khác	31		223.601.468	3.131.828.862
Chi phí khác	32		120.941.413	3.312.781.395
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		102.660.055	(180.952.533)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.372.586.087	15.320.917.339
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	962.903.954	3.156.404.478
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		2.409.682.133	12.164.512.861
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	458	2.433

Ngày 4 tháng 9 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.372.586.087	15.320.917.339
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.655.062.830	4.097.618.296
Các khoản dự phòng	03		(642.004.430)	(547.454.814)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(72.795.261)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(33.370.276)	(26.877.085)
Chi phí lãi vay	06		221.260.238	551.008.284
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.500.739.188	19.395.212.020
Biến động các khoản phải thu	09		2.136.351.405	(12.339.771.656)
Biến động hàng tồn kho	10		3.047.431.453	19.255.823.306
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.518.896.871)	(12.103.121.934)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.318.391.907)	283.372.624
			(3.152.766.732)	14.491.514.360
Tiền lãi vay đã trả	14		(221.260.238)	(551.008.284)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.774.182.164)	(5.909.826.894)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(207.975.000)	(1.278.135.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.356.184.134)	6.752.544.132
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(7.543.635.577)	(6.795.538.665)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		33.370.276	26.877.085
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.510.265.301)	(6.768.661.580)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		43.861.729.900	35.185.777.938
Tiền trả nợ gốc vay	34		(22.379.674.109)	(31.954.874.567)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.982.055.791	(4.269.096.629)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.115.606.356	(4.285.214.077)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	6	14.127.622.047	22.228.467.834
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.996.933)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	15.229.231.470	17.943.253.757

Ngày 4 tháng 9 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Văn Bình
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và công ty con là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1 công ty con (1/1/2015: 1 công ty con) như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	30/6/2015 và 1/1/2015	
		Tỷ lệ sở hữu đăng ký	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	Chế biến và bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau củ quả, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy sản, và là đại lý bán hàng, ký gửi	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty và công ty con có 807 nhân viên (1/1/2015: 842 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và công ty con và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh số 4(b)); và
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh số 4(r)).

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con thực hiện thanh toán.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty và công ty con.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty và công ty con không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (Tài khoản 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Giám đốc Công ty và công ty con tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Công ty và công ty con đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Công ty và công ty con áp dụng chính sách kế toán về trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Bộ Luật Lao động và Chuẩn mực kế toán số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ lần lượt tăng 1.451 triệu VND và giảm 1.132 triệu VND (trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 319 triệu VND) (31/12/2013: Nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối sẽ lần lượt tăng 3.313 triệu VND và giảm 2.584 triệu VND, trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 729 triệu VND).

(m) *Vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) *Doanh thu và thu nhập khác*

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty và công ty con trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lãi cơ bản cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 giảm tương ứng 24 VND.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty và công ty con có các bộ phận phân chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Nội địa		Xuất khẩu		Loại trừ		Hợp nhất	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	142.863.087.719	147.536.545.260	56.765.722.196	48.243.981.121	-	-	199.628.809.915	195.780.526.381
Doanh thu giữa các bộ phận	15.370.405.697	12.027.910.100	-	-	(15.370.405.697)	(12.027.910.100)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	158.233.493.416	159.564.455.360	56.765.722.196	48.243.981.121	(15.370.405.697)	(12.027.910.100)	199.628.809.915	195.780.526.381
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.653.509.341	13.520.506.141	70.790.050	3.227.691.251	1.545.626.641	(1.246.327.520)	3.269.926.032	15.501.869.872
Thu nhập khác	250.893.156	3.131.828.862	-	-	(27.291.688)	-	223.601.468	3.131.828.862
Chi phí khác	(120.941.413)	(3.312.781.395)	-	-	-	-	(120.941.413)	(3.312.781.395)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(909.419.589)	(2.963.744.556)	(53.484.365)	(192.659.922)	-	-	(962.903.954)	(3.156.404.478)
Lợi nhuận thuần sau thuế	874.041.495	10.375.809.052	17.305.685	3.035.031.329	1.518.334.953	(1.246.327.520)	2.409.682.133	12.164.512.861

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nội địa		Xuất khẩu		Loại trừ		Hợp nhất	
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản của bộ phận	182.994.065.272	187.761.891.392	41.480.605.483	56.283.841.511	(26.554.217.802)	(47.824.331.709)	197.920.452.953	196.221.401.194
Nợ phải trả của bộ phận	70.785.608.239	67.311.109.427	28.058.100.117	43.512.225.556	(10.482.797.165)	(30.234.576.119)	88.360.911.191	80.588.758.864
Chi phí vốn	7.543.635.577	4.462.491.751	-	2.333.046.914	-	-	7.543.635.577	6.795.538.665
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	2.961.864.280	3.461.612.572	693.198.550	636.005.724	-	-	3.655.062.830	4.097.618.296

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	534.263.622	461.351.174
Tiền gửi ngân hàng	14.694.967.848	13.666.270.873
	15.229.231.470	14.127.622.047

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	30/6/2015		Số lượng	1/1/2015 – Đã phân loại lại	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu						Dự phòng giảm giá VND
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân Đội	96.701	3.142.610.000	1.460.185.100	96.701	3.142.610.000	1.266.783.100
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	95.093	2.506.170.000	903.383.500	82.411	2.506.170.000	1.875.826.900
		5.648.780.000	2.363.568.600		5.648.780.000	2.079.449.600
			3.285.211.400			1.693.503.500

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Delina GmbH	3.186.300.000	1.610.595.522
Công ty Sy Consult	2.176.225.881	-
Công ty TNHH Dịch vụ EB	1.257.601.540	2.075.073.562
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	1.306.946.030	960.497.180
Các khách hàng khác	5.231.599.702	10.431.024.732
	13.158.673.153	15.077.190.996

9. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Bảo hiểm xã hội	332.423.920	164.488.800
Bảo hiểm y tế	7.954.088	-
Bảo hiểm thất nghiệp	832.908	-
Tạm ứng và phải thu người lao động	2.598.951.382	1.483.498.029
Phải thu từ các cá nhân (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Ký cược, ký quỹ	-	10.000.000
Phải thu khác	222.610.973	323.636.364
	8.621.027.521	7.439.877.443

(*) Phải thu từ các cá nhân về thuế giá trị gia tăng phải nộp Nhà nước trị giá 5.458.254.250 VND đã được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005.

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Ký cược, ký quỹ	306.000.000	318.000.000

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2015			1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn							
Công ty Cổ phần Nhất Nam	6 tháng - 1 năm	251.003.209	75.300.963	175.702.246	-	-	-
Phải thu từ các cá nhân cho phân thuế giá trị gia tăng	Trên 10 năm	5.458.254.250	5.458.254.250	-	Trên 10 năm	5.458.254.250	-
Khác	Trên 4 năm	1.385.795.202	1.385.795.202	-	Trên 3 năm	1.385.795.202	-
		<u>7.095.052.661</u>	<u>6.919.350.415</u>	<u>175.702.246</u>		<u>6.844.049.452</u>	<u>6.844.049.452</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

6.844.049.452

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trình lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	686.430.073	-
Nguyên vật liệu	50.756.059.007	(858.421.861)	42.070.257.973	(858.421.861)
Công cụ và dụng cụ	216.076.414	-	139.364.982	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.874.563.087	-	21.429.994.898	-
Thành phẩm	37.113.604.531	(131.504.198)	34.512.790.561	(564.690.591)
Hàng gửi đi bán	37.739.281	-	2.206.635.286	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	97.998.042.320	(989.926.059)	101.045.473.773	(1.423.112.452)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 19.600 triệu VND (1/1/2015: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 590 triệu VND (1/1/2015: 539 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển khó tiêu thụ được. Những lô hàng này đã quá hạn hoặc gần hết hạn sử dụng, Công ty sẽ hủy các lô hàng này khi quá hạn.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 280 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2015: 3.660 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	52.136.769.360	69.460.842.937	7.149.148.329	2.336.851.020	131.083.611.646
Tăng trong kỳ	-	6.771.985.000	-	-	6.771.985.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	771.650.577	-	-	771.650.577
Số dư cuối kỳ	52.136.769.360	77.004.478.514	7.149.148.329	2.336.851.020	138.627.247.223
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	29.383.436.821	49.986.433.478	5.600.011.809	1.802.592.057	86.772.474.165
Khấu hao trong kỳ	1.343.740.905	1.827.529.921	320.547.745	163.244.259	3.655.062.830
Số dư cuối kỳ	30.727.177.726	51.813.963.399	5.920.559.554	1.965.836.316	90.427.536.995
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	22.753.332.539	19.474.409.459	1.549.136.520	534.258.963	44.311.137.481
Số dư cuối kỳ	21.409.591.634	25.190.515.115	1.228.588.775	371.014.704	48.199.710.228

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 60.207 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 49.372 triệu VND).

Giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 71 triệu VND (1/1/2015: Không).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 7.178 triệu VND (1/1/2015: 14.358 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và công ty con.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định vô hình có giá trị là 11.259 triệu VND (1/1/2015: 11.259 triệu VND) được thế chấp tại Ngân hàng TNHH Indovina – chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	1.612.961.590	1.392.461.590
Tăng trong kỳ	771.650.577	939.306.403
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(771.650.577)	-
Số dư cuối kỳ	1.612.961.590	2.331.767.993

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

15. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trả trước phí bảo hiểm	96.388.917	155.993.387
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	79.411.367	33.615.000
	175.800.284	189.608.387

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	790.092.126
Tăng trong kỳ	1.784.119.937
Phân bổ trong kỳ	(451.919.927)
Số dư cuối kỳ	2.122.292.136

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2015 Giá gốc VND	1/1/2015 Giá gốc VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	2.032.220.000	5.802.567.910
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Bảo Quang	4.940.390.400	-
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	6.380.846.439	7.742.501.184
Công ty TNHH Brenntag Việt Nam	564.190.000	2.878.199.203
Các nhà cung cấp khác	20.968.751.716	24.735.049.779
	34.886.398.555	41.158.318.076

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty và công ty con có khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này. Tại ngày báo cáo, Công ty và công ty con không có số dư phải trả nào bị quá hạn chưa thanh toán.

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được bù trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	368.693.472	-	(67.743.890)	300.949.582

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.965.268.839	15.945.987.289	(16.268.623.022)	1.642.633.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.173.442.223	962.903.954	(1.841.926.054)	294.420.123
Thuế thu nhập cá nhân	658.561.317	719.205.576	(654.671.244)	723.095.649
Thuế nhà đất	109.293.314	109.293.314	(109.293.314)	109.293.314
Tiền thuê đất	349.199.559	1.292.376.187	-	1.641.575.746
Thuế xuất nhập khẩu	-	102.566.006	(102.566.006)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	4.255.765.252	19.141.332.326	(18.986.079.640)	4.411.017.938

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	103.012.975	1.936.275.713
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	224.981.105	1.086.578.051
Phải trả chi phí hỗ trợ nhà phân phối	2.015.512.366	796.231.402
Các khoản trích trước khác	685.577.591	1.491.730.034
	3.029.084.037	5.310.815.200

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	177.849.761	100.065.428
Bảo hiểm xã hội	210.586.658	113.443.463
Bảo hiểm y tế	98.508.046	-
Bảo hiểm thất nghiệp	43.947.200	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	81.872.500	42.726.250
Tài sản thừa chờ giải quyết	318.558.420	30.321.399
Các khoản phải trả, phải nộp khác	163.176.023	170.793.448
	1.094.498.608	457.349.988

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2015 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2015 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	5.916.339.109	43.861.729.900	(22.466.466.303)	27.311.602.706

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty và công ty con có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay từ Indovinabank Số 34/IVB HP-CR/2014	VND	6%	13.307.022.900	-
Khoản vay từ SHB Số 006/2015/HDHM-PN/SHB.120100	USD	3-3,25%	14.004.579.806	-
Khoản vay từ Indovinabank – chi nhánh Đà Nẵng Số 07/1701.14/CL/6277177	VND	3-3,25%	-	5.916.339.109
			27.311.602.706	5.916.339.109

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 19.600 triệu VND (1/1/2015: Không), tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 7.178 triệu VND (1/1/2015: 14.358 triệu VND) và quyền sử dụng đất với giá trị là 11.259 triệu VND (1/1/2015: 14.358 triệu VND) (Thuyết minh 11, thuyết minh 12 và thuyết minh 13).

21. Các khoản dự phòng

Khoản tiền 5.458.254.250 VND phản ánh khoản dự phòng cho thuế giá trị gia tăng phải nộp vào ngân sách nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Công ty có nghĩa vụ phải nộp khoản thuế này vào Ngân sách Nhà nước khi thu được tiền từ các cá nhân. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn chưa thu được khoản này từ các cá nhân.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	2.559.855.698	2.278.859.343
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 23)	882.782.701	636.853.991
Sử dụng trong kỳ	(107.975.000)	(322.609.636)
Số dư cuối kỳ	3.334.663.399	2.593.103.698

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.856.450.403	17.911.341.280	106.753.842.289
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	12.164.512.861	12.164.512.861
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.273.707.981	636.853.991	(1.910.561.972)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(636.853.991)	(636.853.991)
Có tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	-	(640.000.000)	(640.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	50.000.000.000	15.753.387.350	13.506.371.237	11.493.304.394	19.388.438.178	110.141.501.159
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	50.000.000.000	15.753.387.350	24.999.675.631	-	24.879.579.349	115.632.642.330
Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã phân loại lại	50.000.000.000	15.753.387.350	13.506.371.237	11.493.304.394	24.879.579.349	115.632.642.330
<i>Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 38)</i>	-	-	11.493.304.394	(11.493.304.394)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.409.682.133	2.409.682.133
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.648.348.104	-	(2.648.348.104)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(882.782.701)	(882.782.701)
Có tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	50.000.000.000	15.753.387.350	27.648.023.735	-	16.158.130.677	109.559.541.762

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 10 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

Trong năm trước, ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

26. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Theo Điều lệ công ty và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 4 năm 2015, cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 10% từ lợi nhuận thuần sau thuế (1.766 triệu VND) vào Quỹ đầu tư và phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai, đồng thời trích lập 5% từ lợi nhuận thuần sau thuế (882 triệu VND) vào Quỹ dự phòng tài chính. Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp quy định doanh nghiệp không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính và toàn bộ số dư đầu kỳ của Quỹ dự phòng tài chính sẽ được chuyển vào Quỹ đầu tư phát triển. Do đó, khoản trích lập Quỹ dự phòng tài chính ứng với 5% trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế trong năm 2015 đang được ghi tăng Quỹ đầu tư và phát triển.

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.274 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 637 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần năm 2013.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	340.250.000	1.210.200.000

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	12.741	274.879.635	4.563	110.329.994

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	10.291.249.627	7.990.000.000



Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	201.088.491.896	198.462.537.634
▪ Doanh thu cho thuê	378.718.184	518.654.424
▪ Doanh thu bán vật tư, phế liệu	3.062.974.984	-
▪ Khác	494.753.638	-
	<hr/>	<hr/>
	205.024.938.702	198.981.192.058
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	5.156.686.367	3.019.634.229
▪ Hàng bán bị trả lại	239.442.420	181.031.448
	<hr/>	<hr/>
	5.396.128.787	3.200.665.677
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	199.628.809.915	195.780.526.381

29. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	154.268.619.599	138.552.550.467
▪ Giá vốn cho thuê	22.548.041	178.775.359
▪ Giá vốn bán vật tư, phế liệu	3.002.492.200	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(433.186.393)	-
▪ Khác	925.559.524	-
	<hr/>	<hr/>
	157.786.032.971	138.731.325.826

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	33.370.276	26.877.085
Lãi chênh lệch tỷ giá	471.712.544	159.840.798
	<hr/>	<hr/>
	505.082.820	186.717.883

31. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	221.260.238	551.008.284
Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh	(284.119.000)	(547.454.814)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	380.424.306	63.921.148
Chi phí tài chính khác	66.000	-
	<hr/>	<hr/>
	317.631.544	67.474.618

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí nhân công	13.742.360.739	10.376.434.992
Chi phí khấu hao	154.316.865	1.736.704.550
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	7.034.451.488	9.835.454.132
Chi phí khác	3.355.606.066	1.115.448.054
	24.286.735.158	23.064.041.728

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí nhân công	6.113.956.587	9.509.898.917
Chi phí khấu hao	748.376.774	1.136.430.600
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.039.252.917	3.303.548.840
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	75.300.963	-
Chi phí khác	4.496.679.789	4.652.653.863
	14.473.567.030	18.602.532.220

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	130.121.917.029	113.405.315.364
Chi phí nhân công	35.312.329.022	32.100.745.611
Chi phí khấu hao	3.655.062.830	4.097.618.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.526.678.558	5.657.734.429
Chi phí khác	10.497.258.821	15.872.603.072

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	644.700.182	3.156.404.478
Dự phòng thiếu trong những năm trước	318.203.772	-
	<hr/>	<hr/>
	962.903.954	3.156.404.478

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.372.586.087	15.320.917.339
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	741.968.939	3.370.601.815
Chi phí không được khấu trừ thuế	236.764.933	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(488.389.391)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(334.033.690)	274.192.054
Dự phòng thiếu trong những năm trước	318.203.772	-
	<hr/>	<hr/>
	962.903.954	3.156.404.478

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 22%).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất của kỳ kế toán, tương đương 2.289.198.026 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 12.164.512.861 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 5.000.000 cổ phiếu (30/6/2014: 5.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.409.682.133	12.164.512.861
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(120.484.107)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.289.198.026	12.164.512.861

(*) Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ kết quả kinh doanh của năm 2015 phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	758.000.000	1.634.396.274
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	749.958.333	1.057.999.998

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty và công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Chứng khoán kinh doanh	5.648.780.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	5.648.780.000
Phải thu ngắn hạn khác	7.439.877.443	6.800.020.894
Tài sản thiếu chờ xử lý	12.140.250	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	651.996.799
Phải thu dài hạn khác	318.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	318.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	11.493.304.394
Quỹ đầu tư phát triển	24.999.675.631	13.506.371.237

Ngày 4 tháng 9 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc